

CHÍNH PHỦ
Số: 58/2002/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----- oOo -----
Hà Nội , Ngày 03 tháng 06 năm 2002

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

***Ban hành Điều lệ bảo vệ thực vật, Điều lệ kiểm dịch thực vật
và Điều lệ quản lý thuốc bảo vệ thực vật***

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 7 năm 2001;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này:

1. Điều lệ bảo vệ thực vật;
2. Điều lệ kiểm dịch thực vật;
3. Điều lệ quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Nghị định này thay thế Nghị định số 92/CP ngày 27 tháng 11 năm 1993 của Chính phủ ban hành kèm các Điều lệ: bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật, quản lý thuốc bảo vệ thực vật. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

ĐIỀU LỆ BẢO VỆ THỰC VẬT

(Ban hành kèm theo Nghị định số 58/2002/NĐ-CP)

ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Điều lệ này quy định về phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật.

Điều 2.

1. Tài nguyên thực vật phải được bảo vệ gồm cây và sản phẩm của cây lương thực, cây thực phẩm, cây công nghiệp, cây ăn quả, cây lâm nghiệp, cây làm thức ăn gia súc, cây làm thuốc, cây hoa, cây cảnh và cây có ích khác.

2. Những sinh vật gây hại tài nguyên thực vật phải phòng trừ gồm sâu hại, bệnh hại, cỏ dại gây hại, cây dại gây hại, chuột gây hại, chim gây hại, sinh vật lạ gây hại và sinh vật gây hại khác (gọi chung là sinh vật gây hại).

Điều 3. Việc bảo vệ tài nguyên thực vật phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

1. Tiến hành thường xuyên, đồng bộ lấy biện pháp phòng là chính, phát hiện, diệt trừ phải kịp thời;

2. Kết hợp giữa lợi ích trước mắt với lợi ích lâu dài, giữa lợi ích Nhà nước, tập thể với lợi ích cá nhân và bảo đảm lợi ích chung của toàn xã hội;

3. Việc phòng, trừ sinh vật gây hại phải đạt hiệu quả, đồng thời đảm bảo an toàn sức khỏe cho người, cây trồng, sinh vật có ích, hạn chế ô nhiễm môi trường và giữ gìn cân bằng hệ sinh thái;

4. Áp dụng biện pháp phòng trừ tổng hợp, trong đó coi trọng biện pháp sinh học và kinh nghiệm cổ truyền của nhân dân. Thuốc bảo vệ thực vật hoá học chỉ được dùng khi thật cần thiết và phải tuân theo các quy định của cơ quan bảo vệ thực vật.

Điều 4.

1. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp tổ chức chỉ đạo hoạt động phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật.

2. Tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và mọi cá nhân phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện và giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật.

Chương II

PHÒNG, TRỪ SINH VẬT GÂY HẠI TÀI NGUYÊN THỰC VẬT

Điều 5. Việc phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật phải được thực hiện thường xuyên, đồng bộ, kịp thời trong các hoạt động nghiên cứu, thực nghiệm, sản xuất, khai thác, chế biến, bảo quản, buôn bán, sử dụng, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, quá cảnh và các hoạt động khác liên quan đến tài nguyên thực vật.

Các biện pháp phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật phải được phổ biến, tuyên truyền, huấn luyện sâu rộng trong nhân dân.

Điều 6. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật có trách nhiệm sau đây:

1. Điều tra, phát hiện, dự tính, dự báo và thông báo về khả năng, thời gian phát sinh, diện phân bố, mức độ gây hại của sinh vật gây hại;
2. Kiểm tra tình hình sinh vật gây hại tài nguyên thực vật và yêu cầu chủ tài nguyên thực vật cung cấp tài liệu và tạo mọi điều kiện cần thiết cho quá trình kiểm tra;
3. Tiến hành hướng dẫn những biện pháp phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật; lập biên bản về hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ thực vật và báo cáo với cấp có thẩm quyền xử lý;
4. Đề nghị Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc cơ quan quản lý, đơn vị sản xuất, kinh doanh huy động nhân lực, vật lực phục vụ cho công tác phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật;
5. Tiến hành khảo sát, thực nghiệm, hướng dẫn việc áp dụng công nghệ bảo vệ thực vật vào sản xuất.

Điều 7. Chủ tài nguyên thực vật có trách nhiệm sau đây:

1. Chủ động kiểm tra, theo dõi, phát hiện và nắm diễn biến của sinh vật gây hại tài nguyên thực vật của mình ở ngoài đồng ruộng và trong kho;
2. Áp dụng các biện pháp phòng, trừ sinh vật gây hại như: xử lý giống, vệ sinh đồng ruộng, làm đất, gieo trồng giống chống chịu sâu bệnh, bón phân, tưới tiêu nước hợp lý và gieo trồng đúng thời vụ;
3. Khi sinh vật gây hại phát sinh tới mức phải trừ thì chủ tài nguyên thực vật có nghĩa vụ áp dụng mọi biện pháp vật lý, thủ công, sinh học và thuốc bảo vệ thực vật theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật, của tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật;

4. Khi phát hiện sinh vật gây hại có khả năng gây tác hại nghiêm trọng đối với tài nguyên thực vật thì phải báo ngay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật hoặc tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật nơi gần nhất;

5. Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật và tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật thông báo tình hình sinh vật gây hại trong vùng và hướng dẫn thực hiện biện pháp phòng, trừ.

Điều 8. Việc thực hiện chế độ thông tin và báo cáo trong các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật được quy định như sau:

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật cấp dưới phải báo cáo kế hoạch công tác bảo vệ thực vật, tình hình sinh vật gây hại tài nguyên thực vật và kết quả phòng, trừ sinh vật gây hại thực vật định kỳ, đột xuất, hàng vụ, hàng năm theo quy định của ngành bảo vệ thực vật với cơ quan quản lý trực tiếp và cơ quan bảo vệ thực vật chuyên ngành cấp trên;

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật cấp trên có trách nhiệm thông tin và hướng dẫn biện pháp phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật cho cơ quan bảo vệ thực vật cấp dưới và tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật.

Điều 9. Điều kiện công bố dịch:

1. Trên phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Nếu sinh vật gây hại tài nguyên thực vật phát triển nhanh trên diện rộng và có nguy cơ gây hại nghiêm trọng trên 60% diện tích gieo trồng bị nhiễm và trên 30% diện tích gieo trồng bị nhiễm nặng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì cơ quan bảo vệ thực vật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm kiểm tra, xác minh, kết luận.

2. Trên phạm vi quốc gia:

Nếu sinh vật gây hại tài nguyên thực vật phát triển nhanh trên phạm vi từ 2 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên và có nguy cơ gây hại nghiêm trọng trên 30% diện tích gieo trồng của vùng lãnh thổ hoặc quốc gia bị nhiễm và trên 15% diện tích gieo trồng của vùng lãnh thổ hoặc quốc gia bị nhiễm nặng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì Cục Bảo vệ thực vật có trách nhiệm kiểm tra, xác minh, kết luận.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định công bố dịch, bãi bỏ công bố dịch:

1. Nếu sinh vật gây hại tài nguyên thực vật trên phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đủ điều kiện để công bố dịch theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Điều lệ này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định công bố dịch và báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

2. Nếu sinh vật gây hại tài nguyên thực vật trên phạm vi quốc gia đủ điều kiện để công bố dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này thì Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định công bố dịch và báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

3. Sau thời gian công bố dịch nếu sinh vật gây hại không còn khả năng gây thiệt hại nghiêm trọng thì phải công bố quyết định hết dịch; người có thẩm quyền đã ra quyết định công bố dịch thì bãi bỏ quyết định công bố dịch đó.

Khi công bố dịch, cơ quan bảo vệ thực vật các cấp có trách nhiệm theo dõi, đề xuất các biện pháp dập tắt dịch không để lây lan và có kế hoạch phòng, chống dịch tái phát.

Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khi có quyết định công bố dịch:

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương có dịch nhanh chóng dập tắt dịch, ngăn ngừa dịch lây lan sang các vùng khác;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp nơi có dịch phải tổ chức chỉ đạo các cơ quan hữu quan phối hợp với các tổ chức xã hội, huy động nhân dân trong vùng có dịch thực hiện ngay các biện pháp hữu hiệu để dập tắt dịch và ngăn ngừa dịch lây lan sang các vùng khác. Căn cứ vào tính chất nguy hiểm, mức độ lây lan của dịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân nơi có dịch báo cáo cấp trên trực tiếp để áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm dập tắt dịch, khắc phục hậu quả và nhằm tránh dịch tái phát;

3. Trường hợp địa phương có dịch đã huy động nhân lực, vật lực hết khả năng của mình để chống dịch mà vẫn không thể dập tắt dịch thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng các biện pháp cần thiết dập tắt dịch;

4. Chủ tài nguyên thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan ở nơi có dịch phải thực hiện các biện pháp để dập tắt dịch theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 12. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện quy định tại Điều 13 của Điều lệ này được hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật với các nội dung sau:

1. Điều tra, dự tính, dự báo tình hình sinh vật gây hại tài nguyên thực vật;

2. Hướng dẫn chủ tài nguyên thực vật các biện pháp phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật;

3. Kinh doanh vật tư bảo vệ thực vật;

4. Thực hiện các biện pháp phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật.

Điều 13. Người trực tiếp làm dịch vụ bảo vệ thực vật phải có các điều kiện sau:

1. Có trình độ chuyên môn về bảo vệ thực vật (văn bằng hoặc chứng chỉ);

2. Có giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế cấp quận, huyện trở lên cấp theo quy định;

3. Có địa chỉ giao dịch hợp pháp, rõ ràng.

Đối với hoạt động dịch vụ kinh doanh vật tư bảo vệ thực vật còn phải tuân theo các quy định về buôn bán thuốc bảo vệ thực vật được quy định trong Điều lệ quản lý thuốc bảo vệ thực vật ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 14. Tổ chức, cá nhân làm dịch vụ bảo vệ thực vật có trách nhiệm sau đây:

1. Được ký hợp đồng làm dịch vụ bảo vệ thực vật với chủ tài nguyên thực vật theo đúng các quy định của pháp luật về hợp đồng kinh tế;
2. Phải thực hiện đầy đủ những quy định của Pháp lệnh Bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các quy định của Nghị định này.

Điều 15. Nghiêm cấm các hành vi:

1. Sử dụng các biện pháp bảo vệ thực vật có khả năng gây nguy hiểm cho người, cho sinh vật có ích như: sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong danh mục cấm sử dụng, thuốc bảo vệ thực vật ngoài danh mục được phép sử dụng, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không đúng hướng dẫn;
2. Đưa sản phẩm đã xử lý thuốc bảo vệ thực vật không đảm bảo thời gian cách ly đối với mỗi loại thuốc và vượt quá mức dư lượng tối đa cho phép trên nông sản phẩm vào buôn bán, sử dụng;
3. Nhập khẩu, xuất khẩu, sản xuất, vận chuyển, quá cảnh, tàng trữ, buôn bán, sử dụng giống cây bị nhiễm sâu bệnh nặng hoặc nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật thuộc danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam./.

ĐIỀU LỆ KIỂM DỊCH THỰC VẬT

(Ban hành kèm theo Nghị định số 58 /2002/NĐ-CP

ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Điều lệ này quy định về công tác kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh, nội địa và xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bằng biện pháp xông hơi khử trùng.

Điều 2. Trong Điều lệ này những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đối tượng kiểm dịch thực vật là loại sinh vật gây hại có tiềm năng gây tác hại nghiêm trọng tài nguyên thực vật trong một vùng mà ở đó loại sinh vật này chưa xuất hiện hoặc xuất hiện có phân bố hẹp;

2. Vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật là thực vật, sản phẩm thực vật, phương tiện sản xuất, bảo quản, vận chuyển hoặc những vật thể khác có khả năng mang đối tượng kiểm dịch thực vật;
3. Tình trạng nhiễm dịch thực vật là mức độ, tính chất nhiễm sinh vật gây hại của vật thể;
4. Kiểm tra vật thể bao gồm điều tra, quan sát, theo dõi, lấy mẫu, phân tích, giám định, nghiên cứu để xác định tình trạng nhiễm dịch;
5. Xử lý vật thể bao gồm việc tái chế, chọn lọc, thải loại, làm sạch, khử trùng, trả về nơi xuất xứ hoặc tiêu huỷ vật thể;
6. Khử trùng là việc tiêu diệt sinh vật gây hại vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật;
7. Ổ dịch là nơi có một hoặc nhiều loài sinh vật gây hại thuộc danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật đã được công bố;
8. Vùng dịch là khu vực có nhiễm ổ dịch;
9. Lô vật thể là một lượng nhất định của vật thể có các điều kiện và yếu tố giống nhau về khả năng nhiễm dịch;
10. Địa điểm kiểm dịch thực vật là nơi kiểm tra vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật trước khi di chuyển vật thể đó.

Điều 3. Vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (trong Điều lệ này còn được gọi là vật thể) bao gồm:

1. Thực vật, sản phẩm thực vật;
2. Phương tiện sản xuất, bảo quản, vận chuyển, đất, kho tàng hoặc những vật thể khác có khả năng mang đối tượng kiểm dịch thực vật.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan kiểm dịch thực vật và chủ vật thể được quy định như sau:

1. Chủ vật thể phải thực hiện việc theo dõi, phòng trừ sinh vật gây hại, xử lý các vật thể nhiễm dịch, vật thể không đủ tiêu chuẩn nhập khẩu, xuất khẩu hoặc vận chuyển ra khỏi vùng dịch theo quy định về kiểm dịch thực vật.

Trường hợp việc xử lý vật thể nhiễm dịch phải được thực hiện khẩn cấp mà chủ vật thể không có khả năng thực hiện thì cơ quan kiểm dịch thực vật xử lý.

Trường hợp cùng một lúc phải xử lý vật thể nhiễm dịch của nhiều chủ vật thể, nhưng các chủ vật thể không thoả thuận được với nhau về việc xử lý thì cơ quan kiểm dịch thực vật quyết định và chủ vật thể phải thực hiện.

Chủ vật thể phải chịu mọi chi phí cho việc xử lý vật thể. Trường hợp không có chủ vật thể, chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện chuyên chở, người bảo quản vật thể phải thực hiện những quy định về kiểm dịch thực vật đối với phương tiện và vật thể mà mình

chuyên chở, bảo quản theo phương tiện đó cũng như chịu mọi chi phí cho việc xử lý vật thể.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật (trong Điều lệ này còn được gọi là cơ quan kiểm dịch thực vật) có trách nhiệm hướng dẫn, giám sát, chứng nhận việc thực hiện các biện pháp theo dõi, phòng trừ và xử lý vật thể.

Điều 5. Việc xông hơi khử trùng vật thể xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, nội địa; vật thể bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật phải do tổ chức, cá nhân trong nước có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 30 của Điều lệ này thực hiện.

Điều 6. Thủ tục kiểm dịch thực vật:

1. Chủ vật thể hoặc người được chủ vật thể uỷ quyền phải thực hiện:

a) Khai báo trước ít nhất 24 giờ với cơ quan kiểm dịch thực vật nơi gần nhất;

Đối với hành lý xách tay, hành lý gửi theo phương tiện chuyên chở là vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật thì phải khai báo vào tờ khai xuất nhập cảnh và được cơ quan kiểm dịch thực vật kiểm tra tại chỗ;

Đối với những vật thể thuộc diện kiểm dịch là hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu hoặc đóng gói chung với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu khác (trừ hành lý xách tay, hành lý gửi theo phương tiện chuyên chở của hành khách xuất, nhập cảnh) khi chủ hàng hoá nộp hồ sơ hải quan để làm thủ tục phải có giấy đăng ký kiểm dịch của cơ quan kiểm dịch thực vật.

b) Tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ kiểm dịch thực vật kiểm tra, lấy mẫu vật thể như: mở, đóng phương tiện vận chuyển, kho chứa, kiện hàng, cung cấp nhân lực cho việc lấy mẫu;

c) Nộp phí kiểm dịch thực vật theo quy định.

2. Cơ quan kiểm dịch thực vật phải kiểm tra, phúc tra, trả lời kết quả ngay trong phạm vi 24 giờ sau khi chủ vật thể khai báo. Trong trường hợp phải kéo dài quá 24 giờ, cơ quan kiểm dịch thực vật phải báo cho chủ vật thể biết.

Điều 7. Trong từng thời kỳ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định và công bố:

1. Danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam;

2. Danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật của Việt Nam.

Điều 8. Thủ tục kiểm tra vật thể và lập hồ sơ về kiểm dịch thực vật phải được áp dụng thống nhất trong phạm vi cả nước, theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 9. Cán bộ kiểm dịch thực vật khi làm nhiệm vụ:

1. Phải mang sắc phục, phù hiệu, cấp hiệu, thẻ kiểm dịch thực vật;

2. Được vào những nơi có vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật;

3. Đối với những nơi cơ mật thuộc về an ninh quốc phòng và trường hợp đặc biệt khác thì phải được cấp có thẩm quyền quản lý các cơ sở đó tạo điều kiện và hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ để đảm bảo cả hai yêu cầu bảo mật và kiểm dịch thực vật.

Điều 10. Việc phối hợp giữa các cơ quan trong công tác kiểm dịch thực vật được quy định như sau:

1. Cơ quan hải quan có trách nhiệm kết hợp với cơ quan kiểm dịch thực vật trong việc kiểm tra, giám sát đối với vật thể. Thủ tục hải quan chỉ hoàn tất đối với vật thể kiểm dịch thực vật sau khi đã làm đầy đủ thủ tục kiểm dịch thực vật. Nội dung khai báo kiểm dịch thực vật được thể hiện trong tờ khai xuất nhập cảnh;

Những vật thể mà cơ quan kiểm dịch thực vật buộc tái xuất, buộc phải tiêu huỷ hoặc sau khi kiểm dịch, kết luận được phép xuất khẩu, nhập khẩu thì cơ quan kiểm dịch thực vật phải thông báo cho cơ quan hải quan cửa khẩu nơi có vật thể đó xuất nhập khẩu biết, đồng thời cơ quan kiểm dịch thực vật chủ động phối hợp với cơ quan hải quan và các cơ quan khác liên quan giải quyết, xử lý những vấn đề liên quan khi cơ quan kiểm dịch thực vật có yêu cầu;

2. Các cơ quan nhà nước hữu quan (Cảng vụ, Hải quan, Bưu điện, Công an, Bộ đội Biên phòng, Quản lý thị trường...) trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp với cơ quan kiểm dịch thực vật trong việc kiểm tra, ngăn chặn, bắt giữ các đối tượng vi phạm quy định kiểm dịch thực vật.

Chương II

KIỂM DỊCH THỰC VẬT NHẬP KHẨU

Điều 11. Vật thể nhập khẩu vào Việt Nam phải có những điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật của nước xuất khẩu cấp;

2. Không có đối tượng kiểm dịch thực vật và không có sinh vật gây hại lạ, nếu có thì đã qua xử lý;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn về kiểm dịch thực vật đối với vật thể nhập khẩu.

Điều 12. Thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu:

1. Khi vật thể nhập khẩu vào cửa khẩu đầu tiên, chủ vật thể phải báo với cơ quan kiểm dịch thực vật Việt Nam nơi gần nhất. Cơ quan kiểm dịch thực vật tiến hành làm thủ tục tại cửa khẩu đầu tiên. Trong trường hợp đặc biệt thủ tục kiểm dịch thực vật được tiến hành tại địa điểm khác có điều kiện cách ly;

2. Việc khai báo, kiểm tra, xử lý, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu đối với vật thể nhập khẩu được thực hiện theo Điều 6, Điều 8 của Điều lệ này;

3. Khi phương tiện vận tải đường thủy chuyên chở vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật đến phao số "0", chủ phương tiện phải khai báo và cơ quan kiểm dịch thực vật Việt Nam kiểm tra, nếu không có đối tượng kiểm dịch thực vật thì phương tiện đó được phép nhập cảng, nếu có đối tượng kiểm dịch thực vật thì phải xử lý triệt để;

Việc kiểm tra vật thể nhập khẩu chuyên chở trên phương tiện vận tải đường thủy được tiến hành tại địa điểm kiểm dịch ở cảng Việt Nam;

4. Vật thể tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập khi nhập khẩu phải làm thủ tục kiểm dịch thực vật như đối với vật thể nhập khẩu.

Điều 13

1. Tổ chức, cá nhân khi nhập khẩu giống cây và sinh vật có ích phải có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 11 của Điều lệ này.

a) Đối với giống cây được phép nhập khẩu chỉ được vận chuyển đến và gieo trồng tại địa điểm đã đăng ký ở cửa khẩu nhập. Khi đến địa điểm trên phải khai báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật tại địa phương để tiếp tục theo dõi, kiểm tra tình hình sinh vật gây hại;

b) Đối với giống cây trồng mới, lần đầu tiên nhập khẩu chỉ được gieo trồng tại địa điểm theo quy định của cơ quan kiểm dịch thực vật để theo dõi sinh vật gây hại. Chỉ sau khi cơ quan này kết luận không mang đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam thì mới được đưa ra sản xuất; thời gian theo dõi đối với từng nhóm cây thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Đối với sinh vật có ích, khi có yêu cầu nhập khẩu chủ vật thể phải cung cấp các tài liệu có liên quan cho cơ quan kiểm dịch thực vật để Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định.

2. Việc kiểm dịch thực vật đối với giống cây, sinh vật có ích phải theo một quy trình kỹ thuật do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định.

3. Tổ chức, cá nhân khi nhập khẩu vật thể có khả năng làm giống cũng phải thực hiện quy định như nhập khẩu giống cây.

Điều 14. Trách nhiệm của cơ quan kiểm dịch thực vật, chủ vật thể trong việc vận chuyển, bảo quản, sử dụng vật thể được quy định như sau:

1. Cơ quan kiểm dịch thực vật có quyền giám sát về mặt kiểm dịch thực vật đối với vật thể nhập khẩu kể từ khi vật thể đó được đưa vào lãnh thổ Việt Nam;

2. Chủ vật thể phải có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan kiểm dịch thực vật của Việt Nam cấp và thực hiện đầy đủ các biện pháp quy định tại giấy chứng nhận đó trong quá trình vận chuyển, bảo quản, sử dụng vật thể.

Điều 15. Cơ quan kiểm dịch thực vật được phép phối hợp với cơ quan kiểm dịch thực vật nước xuất khẩu kiểm tra, xử lý vật thể nhập khẩu tại nước xuất khẩu.

Điều 16. Nghiêm cấm đưa đối tượng kiểm dịch thực vật, sinh vật gây hại lạ còn sống ở bất kỳ giai đoạn sinh trưởng nào vào Việt Nam, trong trường hợp cần đưa vào để nghiên cứu thì phải được phép của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 17

1. Việc xử lý trong trường hợp phát hiện vật thể bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật được thực hiện như sau:

a) Nếu vật thể bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật chưa có trên lãnh thổ Việt Nam mà thuộc Danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam thì không được phép nhập khẩu và phải trả về nơi xuất xứ hoặc tiêu hủy. Trường hợp có thể xử lý triệt để bằng biện pháp khác thì áp dụng biện pháp đó;

b) Nếu vật thể bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật có phân bố hẹp trên lãnh thổ Việt Nam mà thuộc Danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam hoặc những sinh vật gây hại lạ khác thì trước khi đưa vào nội địa phải thực hiện các biện pháp xử lý triệt để do cơ quan kiểm dịch thực vật quyết định. Trường hợp việc xử lý không thể thực hiện được trong điều kiện Việt Nam thì có thể trả lại nơi xuất xứ hoặc tiêu hủy.

2. Việc xử lý vật thể từ nước ngoài do trôi dạt, rơi vãi, vứt bỏ, để lọt vào Việt Nam thuộc thẩm quyền của cơ quan kiểm dịch thực vật có sự phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan.

Chương III

KIỂM DỊCH THỰC VẬT XUẤT KHẨU

Điều 18. Cơ quan kiểm dịch thực vật chỉ thực hiện kiểm dịch thực vật đối với vật thể xuất khẩu trong trường hợp:

1. Hợp đồng mua bán có yêu cầu, các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định;
2. Chủ vật thể yêu cầu kiểm dịch thực vật.

Điều 19. Thủ tục kiểm dịch thực vật xuất khẩu bao gồm:

1. Khi vật thể xuất khẩu đến cửa khẩu cuối cùng hoặc đến nơi mà từ đó vật thể xuất khẩu ra nước ngoài, chủ vật thể phải báo trước với cơ quan kiểm dịch thực vật gần nhất;
2. Cơ quan kiểm dịch thực vật tiến hành làm thủ tục kiểm dịch và có quyền ra quyết định hoặc chấp nhận theo yêu cầu của chủ vật thể thực hiện phương thức kiểm tra sơ bộ tại cơ sở sản xuất, bảo quản ở sâu trong nội địa và phúc tra tại cửa khẩu cuối cùng, trong

trường hợp này việc kiểm tra và phúc tra cuối cùng vẫn phải được thực hiện để cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật;

3. Việc khai báo, kiểm tra, xử lý, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với vật thể xuất khẩu được thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 8 của Điều lệ này.

Điều 20. Trách nhiệm của cơ quan kiểm dịch thực vật, chủ vật thể trong khi vận chuyển vật thể ra khỏi lãnh thổ Việt Nam được quy định như sau:

1. Cơ quan kiểm dịch thực vật có quyền giám sát về mặt kiểm dịch thực vật đối với vật thể xuất khẩu từ khi vật thể được kiểm tra, phúc tra, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật cho đến khi vận chuyển ra khỏi lãnh thổ Việt Nam;

2. Chủ vật thể xuất khẩu phải có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ này trong khi vận chuyển vật thể từ địa điểm kiểm dịch thực vật xuất khẩu ra nước ngoài và phải thực hiện đầy đủ các biện pháp quy định tại giấy chứng nhận đó.

Chương IV

KIỂM DỊCH THỰC VẬT QUÁ CẢNH

Điều 21. Vật thể khi quá cảnh hoặc lưu kho bãi trên lãnh thổ Việt Nam phải thông báo trước cho cơ quan kiểm dịch thực vật Việt Nam và phải được cơ quan kiểm dịch thực vật Việt Nam đồng ý; đồng thời phải được đóng gói theo đúng quy cách hàng hoá nhằm không để lây lan sinh vật gây hại trong quá trình vận chuyển và lưu kho bãi.

Điều 22. Thủ tục kiểm dịch thực vật quá cảnh bao gồm:

1. Khi vật thể quá cảnh vào cửa khẩu đầu tiên của Việt Nam, chủ vật thể phải khai báo cho cơ quan kiểm dịch thực vật gần nhất và xuất trình giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của nước xuất xứ;

2. Cơ quan kiểm dịch thực vật Việt Nam có quyền giám sát vật thể đó, kiểm tra phương tiện vận chuyển và bên ngoài vật thể.

Điều 23. Khi vật thể quá cảnh Việt Nam, nếu có đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam hoặc đóng gói không đúng quy cách hàng hoá thì chủ vật thể phải áp dụng biện pháp xử lý hoặc đóng gói lại theo đúng quy định.

Chủ vật thể chịu mọi chi phí cho việc xử lý hoặc đóng gói lại.

Chương V

KIỂM DỊCH THỰC VẬT NỘI ĐỊA

Điều 24. Nội dung của công tác kiểm dịch thực vật nội địa:

1. Quản lý tình hình sinh vật gây hại thuộc đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam và sinh vật có ích;
2. Quản lý và thực hiện các biện pháp xử lý khi phát hiện ổ dịch.

Điều 25. Trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật:

1. Thường xuyên điều tra, theo dõi, giám sát tình hình sinh vật gây hại trên giống cây trồng nhập nội và sản phẩm thực vật lưu trữ trong kho;
2. Khi có giống cây, sinh vật có ích nhập nội về địa phương gieo trồng, sử dụng thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật của địa phương phải thực hiện:

a) Kiểm tra giấy tờ nghiệp vụ kiểm dịch thực vật của giống cây, sinh vật có ích;

b) Theo dõi, giám sát nơi gieo trồng, sử dụng;

c) Nếu chủ vật thể không thực hiện đúng các thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu quy định tại Điều 12 của Điều lệ này thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật của địa phương thực hiện các biện pháp theo quy định của pháp luật;

3. Xác định ranh giới vùng dịch, địa điểm kiểm dịch thực vật nội địa khi vận chuyển vật thể ra khỏi vùng dịch, thực hiện việc kiểm tra, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật vận chuyển nội địa, giám sát việc vận chuyển vật thể ra khỏi vùng dịch;

4. Kiểm tra giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và theo dõi, giám sát lô vật thể được đưa từ vùng dịch tới địa phương;

5. Quyết định biện pháp xử lý vật thể bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật; hướng dẫn, giám sát chủ vật thể thực hiện biện pháp xử lý;

6. Ở nơi có nhiều ổ dịch, có dấu hiệu các ổ dịch lan tràn thành vùng dịch, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật phải báo cáo ngay với cơ quan có thẩm quyền công bố dịch theo quy định tại Điều 11 Pháp lệnh bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Điều 26. Trách nhiệm của chủ vật thể:

1. Chủ vật thể phải thường xuyên theo dõi tình hình sinh vật gây hại tài nguyên thực vật của mình hoặc do mình trực tiếp quản lý.

Ở những nơi thường tập trung vật thể nhập khẩu, quá cảnh hoặc đưa từ vùng dịch đến thì việc theo dõi nêu trên phải theo yêu cầu và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

2. Khi phát hiện hoặc nghi ngờ có đối tượng kiểm dịch thực vật thuộc Danh mục đã công bố hoặc sinh vật gây hại lạ thì chủ vật thể hoặc người phát hiện phải áp dụng các biện pháp cần thiết để diệt trừ và ngăn chặn sự lây lan, đồng thời báo ngay cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất;

3. Thực hiện biện pháp xử lý vật thể do cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật quyết định;

4. Tạo mọi điều kiện để cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật tiếp tục theo dõi, kiểm tra vật thể đã được xử lý trong quá trình gieo trồng, sử dụng, bảo quản;

5. Chịu mọi chi phí khi áp dụng biện pháp xử lý; kiểm tra cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật vận chuyển nội địa theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Việc khai báo, kiểm tra, xử lý, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật vận chuyển nội địa được thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 8 của Điều lệ này.

Điều 28. Nghiêm cấm việc di chuyển đối tượng kiểm dịch thực vật còn sống đến các vùng chưa có dịch. Trong trường hợp di chuyển nhằm mục đích nghiên cứu thì phải được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép.

Chương VI

XỬ LÝ VẬT THỂ BẰNG BIỆN PHÁP XÔNG HƠI KHỬ TRÙNG

Điều 29. Xông hơi khử trùng là biện pháp khử trùng bằng hoá chất xông hơi độc.

Điều 30. Tổ chức, cá nhân hoạt động xông hơi khử trùng phải có điều kiện sau đây:

1. Chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng;
2. Đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng yêu cầu về xông hơi khử trùng;
3. Có quy trình kỹ thuật, phương tiện, thiết bị phục vụ cho hoạt động xông hơi khử trùng, bảo đảm an toàn đối với con người, vật nuôi, môi trường, phòng, chống cháy nổ;
4. Địa điểm làm việc, kho chứa thiết bị, hoá chất đúng tiêu chuẩn được cơ quan chức năng có thẩm quyền đồng ý.

Điều 31. Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng:

1. Đối với người trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động xông hơi khử trùng phải có:
 - a) Trình độ chuyên môn về hoá chất hoặc bảo vệ thực vật từ Đại học trở lên;
 - b) ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực này;

c) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp theo quy định.

2. Đối với người trực tiếp xông hơi khử trùng:

a) Phải qua một lớp đào tạo về xông hơi khử trùng, được Cục Bảo vệ thực vật kiểm tra trình độ chuyên môn, tay nghề;

b) Có giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp theo quy định.

Điều 32. Thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng quy định như sau:

1. Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng thuộc Cục Bảo vệ thực vật được cấp chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng đối với tổ chức hoạt động khử trùng vật thể bảo quản trong nước;

2. Cục Bảo vệ thực vật cấp chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng đối với tổ chức hoạt động khử trùng vật thể xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, vật thể nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật;

3. Việc thẩm định và cấp chứng chỉ hành nghề chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, nếu không cấp thì phải thông báo rõ lý do bằng văn bản để người xin cấp biết.

Điều 33. Quyền hạn, nghĩa vụ của tổ chức hoạt động khử trùng khi được cấp chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng:

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động xông hơi khử trùng được quyền hoạt động xông hơi khử trùng kể từ khi có đủ các điều kiện quy định tại Điều 30 của Điều lệ này và cam kết thực hiện đúng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động;

2. Được cấp giấy chứng nhận xông hơi khử trùng đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật;

3. Khi thực hiện biện pháp xông hơi khử trùng đối với vật thể nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật phải được cơ quan kiểm dịch thực vật chỉ định thực hiện và chịu sự giám sát của cơ quan kiểm dịch thực vật;

4. Tổ chức, cá nhân hoạt động khử trùng khi làm thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng hoặc gia hạn phải nộp phí và lệ phí theo quy định của pháp luật./.

ĐIỀU LỆ QUẢN LÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

(Ban hành kèm theo Nghị định số 58 /2002/NĐ-CP

ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

1. Điều lệ này quy định việc sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, xuất khẩu, nhập khẩu, bảo quản, dự trữ, vận chuyển, buôn bán, sử dụng, đăng ký, kiểm định, khảo nghiệm và tiêu hủy thuốc bảo vệ thực vật ở Việt Nam.

2. Thuốc bảo vệ thực vật bao gồm:

a) Các chế phẩm dùng để phòng trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật;

b) Các chế phẩm có tác dụng điều hoà sinh trưởng thực vật;

c) Các chế phẩm có tác dụng xua đuổi hoặc thu hút các loại sinh vật gây hại tài nguyên thực vật đến để tiêu diệt.

Điều 2. Trong Điều lệ này các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thuốc bảo vệ thực vật là chế phẩm có nguồn gốc từ hoá chất, thực vật, động vật, vi sinh vật và các chế phẩm khác dùng để phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật;

2. Hoạt chất hay chất hữu hiệu của thuốc bảo vệ thực vật bao gồm các chất có trong thuốc thành phẩm, có tác dụng diệt trừ hoặc hạn chế sự sinh trưởng, phát triển của các sinh vật gây hại tài nguyên thực vật; chất có tác dụng điều hoà sinh trưởng thực vật; chất gây ngán, chất thu hút hoặc xua đuổi sinh vật gây hại tài nguyên thực vật;

3. Thuốc kỹ thuật là chế phẩm có hàm lượng hoạt chất cao được dùng để gia công thành thuốc thành phẩm;

4. Nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật gồm thuốc kỹ thuật và các dung môi phụ gia dùng để gia công thuốc thành phẩm;

5. Thuốc thành phẩm là thuốc được sản xuất theo quy trình công nghệ đã được chứng nhận, có tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hoá đã được đăng ký tại cơ quan chức năng có thẩm quyền và được phép đưa vào lưu thông, sử dụng;

6. Dạng thuốc là trạng thái vật lý với những yêu cầu về tính chất lý học đặc thù của thuốc thành phẩm, được thể hiện nhiều dạng khác nhau;

7. Thời gian cách ly là khoảng thời gian tối thiểu kể từ ngày sử dụng thuốc bảo vệ thực vật lần cuối cùng đến ngày thu hoạch sản phẩm trong quá trình trồng trọt hoặc thời gian tối thiểu từ khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật lần cuối cùng đến khi sử dụng sản phẩm trong quá trình bảo quản;

8. Dư lượng là lượng hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, dẫn xuất và các sản phẩm chuyển hoá của thuốc bảo vệ thực vật có độc tính còn lưu lại trong nông sản hàng hoá và môi trường sau khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật;

9. Mức dư lượng tối đa cho phép là lượng tối đa một loại thuốc bảo vệ thực vật được chấp nhận cho phép tồn tại trong nông sản, thực phẩm hay thức ăn gia súc mà không gây độc hại cho người và vật nuôi. Mức dư lượng tối đa cho phép được biểu thị bằng miligam thuốc bảo vệ thực vật trong một kilôgam nông sản hàng hoá;

10. Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật là quá trình tổng hợp, chế biến ra hoạt chất hoặc thuốc kỹ thuật;

11. Gia công thuốc bảo vệ thực vật là quá trình hỗn hợp thuốc kỹ thuật với các dung môi, phụ gia theo công thức và quy trình nhất định để tạo ra thuốc thành phẩm ở các dạng khác nhau theo mục đích sử dụng;

12. Buôn bán là những hoạt động mua và bán bao gồm bán buôn, bán lẻ và trao đổi hàng hoá để lấy thuốc bảo vệ thực vật trên thị trường Việt Nam.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, bảo quản, dự trữ, vận chuyển, buôn bán và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật ở Việt Nam phải tuân theo pháp luật về quản lý thuốc bảo vệ thực vật của Việt Nam và Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

Điều 4. Hàng năm, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố công khai danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, thuốc bảo vệ thực vật hạn chế sử dụng và thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam.

Khi xét thấy cần thiết, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định việc hạn chế sử dụng hoặc cấm sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật đã có trong danh mục được phép sử dụng ở Việt Nam. Thời hạn có hiệu lực thực hiện quyết định này do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định cho từng loại thuốc.

Điều 5. Nghiêm cấm các hành vi:

1. Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong danh mục cấm sử dụng; thuốc bảo vệ thực vật giả; thuốc bảo vệ thực vật không rõ nguồn gốc; thuốc bảo vệ thực vật có nhãn không phù hợp với quy định về nhãn hàng hoá hoặc vi phạm về nhãn hiệu đang được bảo hộ; thuốc bảo vệ thực vật ngoài danh mục hạn chế sử dụng, được phép sử dụng ở Việt Nam, trừ trường hợp việc nhập khẩu để khảo nghiệm hoặc để sử dụng trong các dự án đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Pháp lệnh bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

2. Nhập khẩu, buôn bán, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng;

3. Quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật không có trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, thuốc bảo vệ thực vật hạn chế sử dụng và thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam.

Chương II

SẢN XUẤT, GIA CÔNG, SANG CHAI, ĐÓNG GÓI

THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Điều 6. Hoạt động sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật bao gồm:

1. Sản xuất các hoạt chất, thuốc kỹ thuật;
2. Gia công các hoạt chất hoặc thuốc kỹ thuật thành thuốc thành phẩm ở các dạng khác nhau để sử dụng;
3. Sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật từ khối lượng, dung tích lớn thành khối lượng, dung tích nhỏ.

Điều 7. Tổ chức, cá nhân sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật phải có đủ các điều kiện sau:

1. Người trực tiếp điều hành sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật phải có chứng chỉ hành nghề;
2. Có quy trình công nghệ sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói theo quy định, bảo đảm chất lượng thuốc bảo vệ thực vật;
3. Có địa điểm được cơ quan có thẩm quyền cho phép;
4. Có trang thiết bị bảo đảm vệ sinh lao động, an toàn sức khỏe cho người, vật nuôi, môi trường, phòng, chống cháy, nổ;
5. Có hệ thống xử lý chất thải theo quy định của cơ quan có thẩm quyền về môi trường;
6. Có cơ sở kiểm tra chất lượng sản phẩm hoặc đăng ký với cơ quan kiểm tra chất lượng gần nhất để kiểm tra chất lượng thuốc trước khi xuất xưởng.

Điều 8. Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề cho người trực tiếp điều hành sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật:

1. Có trình độ chuyên môn về hoá học hoặc bảo vệ thực vật từ đại học trở lên;
2. Có giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp theo quy định.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề.

Điều 9. Việc đăng ký sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật được thực hiện theo quy định như sau:

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ cấp đăng ký kinh doanh về hoạt động sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật khi người trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động này có chứng chỉ hành nghề do cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ thực vật ở địa phương cấp.

Tổ chức, cá nhân được quyền hoạt động sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật kể từ khi có đủ các điều kiện quy định tại Điều 7 của Điều lệ này và cam kết thực hiện đúng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động.

Tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật thì phải có ý kiến bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 10. Tổ chức, cá nhân được sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói các loại thuốc bảo vệ thực vật sau:

1. Các loại thuốc có trong danh mục thuốc được phép sử dụng, hạn chế sử dụng ở Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố;
2. Các loại thuốc bảo vệ thực vật trong hợp đồng đã ký với thương nhân nước ngoài để tái xuất; để sử dụng thử hoặc để sử dụng trong các dự án đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 11. Tổ chức, cá nhân sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật có trách nhiệm:

1. Báo cáo tình hình sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói hàng quý, hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật;
2. Khi không tiếp tục sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật thì phải báo cáo bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đăng ký kinh doanh và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật biết;
3. Người xin cấp chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật phải nộp lệ phí theo quy định của Nhà nước.

Chương III

XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU THUỐC VÀ NGUYÊN LIỆU

LÀM THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Điều 12. Nhập khẩu thuốc thành phẩm và nguyên liệu để sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật:

1. Tổ chức, cá nhân được nhập khẩu thuốc thành phẩm, nguyên liệu trong danh mục thuốc được phép sử dụng hoặc hạn chế sử dụng ở Việt Nam để sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói theo quy định của Nghị định này;
2. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu thuốc thành phẩm, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật ngoài danh mục được phép sử dụng để gia công, đóng gói tại Việt Nam nhằm mục đích tái xuất theo hợp đồng đã ký với nước ngoài phải có giấy phép nhập khẩu của Bộ Nông

ngiệp và Phát triển nông thôn và phải chịu sự kiểm tra việc tái xuất đó của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

3. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật chưa có trong danh mục được phép sử dụng để khảo nghiệm, để sử dụng trong các dự án đầu tư nước ngoài tại Việt Nam mà được phép dùng loại thuốc này hoặc nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật trong danh mục hạn chế sử dụng phải có giấy phép nhập khẩu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định điều kiện và thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật.

Điều 13. Tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh được phép xuất khẩu thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật theo quy định về hoạt động xuất nhập khẩu của Nhà nước.

Chương IV

VẬN CHUYỂN, BẢO QUẢN, BUÔN BÁN THUỐC

BẢO VỆ THỰC VẬT TRONG NƯỚC

Điều 14. Việc vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật phải theo đúng yêu cầu kỹ thuật của từng loại thuốc và phải bảo đảm an toàn cho người, bảo vệ môi trường và hệ sinh thái.

Điều 15. Thuốc bảo vệ thực vật phải được bảo quản trong kho. Kho chứa thuốc phải đúng yêu cầu kỹ thuật đảm bảo chất lượng thuốc, đảm bảo an toàn đối với người, bảo vệ môi trường và hệ sinh thái.

Điều 16. Tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc bảo vệ thực vật phải có đủ các điều kiện sau:

1. Có chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật;
2. Có cửa hàng bán thuốc và kho chứa thuốc đúng quy định;
3. Có trang thiết bị cần thiết bảo đảm an toàn cho người, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy, nổ theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề cho người buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:

1. Có văn bằng về trung cấp nông, lâm nghiệp hoặc giấy chứng nhận đã tham dự lớp học chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật do Chi cục bảo vệ thực vật cấp;
2. Có giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp theo quy định.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

Điều 18. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ cấp đăng ký kinh doanh đối với hoạt động buôn bán thuốc bảo vệ thực vật khi người buôn bán thuốc có chứng chỉ hành nghề do Chi cục bảo vệ thực vật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp.

Tổ chức, cá nhân được buôn bán thuốc bảo vệ thực vật kể từ khi có đủ các điều kiện quy định tại Điều 16 của Điều lệ này và cam kết thực hiện đúng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

Điều 19. Phạm vi buôn bán thuốc bảo vệ thực vật:

1. Được buôn bán các loại thuốc thành phẩm có trong danh mục thuốc được phép sử dụng, hạn chế sử dụng ở Việt Nam;
2. Không buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong một cửa hàng cùng với lương thực, thực phẩm, hàng giải khát, thuốc y tế và các hàng hoá vật tư tiêu dùng khác, trừ phân bón.

Điều 20. Việc vận chuyển, tàng trữ, buôn bán, quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật phải theo đúng quy định sau đây:

1. Vận chuyển, tàng trữ, buôn bán thuốc và nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật phải có nhãn và nhãn hiệu theo đúng quy định pháp luật;
2. Được quảng cáo các loại thuốc có trong danh mục thuốc được phép sử dụng ở Việt Nam. Nội dung quảng cáo phải đúng tính năng, tác dụng của thuốc như đã đăng ký với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và phù hợp với quy định hiện hành về thông tin quảng cáo.

Chương V

SỬ DỤNG THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Điều 21. Tổ chức, cá nhân được phép sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có trong danh mục thuốc được phép sử dụng và hạn chế sử dụng để phòng trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật theo hướng dẫn của cán bộ chuyên môn hoặc phải theo đúng chỉ dẫn ở nhãn thuốc; sử dụng đúng thuốc, đúng đối tượng, đúng liều lượng, đúng nồng độ, đúng thời gian, đúng phương pháp và phạm vi cho phép, đúng thời gian cách ly; bảo đảm an toàn cho người, cây trồng, vật nuôi, vệ sinh an toàn thực phẩm và môi trường.

Điều 22.

1. Việc tiêu hủy thuốc và bao bì thuốc bảo vệ thực vật phải đảm bảo an toàn cho người, môi trường và hệ sinh thái.
2. Việc tiêu hủy thuốc và bao bì thuốc bảo vệ thực vật phải được thực hiện theo quy trình kỹ thuật do Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ban hành.
3. Cơ quan nhà nước các cấp có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật, các cơ quan có thẩm quyền thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có

thuốc tiêu hủy chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan tổ chức và giám sát việc tiêu hủy.

4. Việc tiêu hủy thuốc và bao gói đã đựng thuốc bảo vệ thực vật phải đảm bảo mức dư lượng tối đa cho phép trong đất, nước, không khí không được vượt quá mức quy định của Việt Nam, trong trường hợp chưa có mức quy định của Việt Nam thì không được vượt quá mức quy định của tổ chức y tế thế giới (WHO). Việc tiêu hủy thuốc, bao bì thuốc bảo vệ thực vật được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại.

5. Người thực hiện tiêu hủy phải được trang bị đầy đủ các phương tiện phòng độc và bảo hộ lao động.

6. Tổ chức, cá nhân có thuốc tồn đọng phải chịu trách nhiệm tổ chức tiêu hủy. Người sử dụng thuốc phải có trách nhiệm thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật và yêu cầu cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật địa phương tổ chức tiêu hủy theo quy định.

7. Cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì tổ chức việc tiêu hủy, phối hợp với cơ quan bảo vệ môi trường và các cơ quan liên quan ở địa phương giám sát tiêu hủy.

8. Mọi chi phí tiêu hủy do chủ sở hữu vật tiêu hủy chịu trách nhiệm chi trả.

9. Trong trường hợp thuốc và bao bì thuốc bảo vệ thực vật thuộc diện phải tiêu hủy mà không xác định chủ sở hữu thì ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các ngành liên quan thực hiện tiêu hủy đúng quy định và trích ngân sách địa phương để thực hiện việc tiêu hủy.

Chương VI

ĐĂNG KÝ, KIỂM ĐỊNH, KHẢO NGHIỆM

THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Điều 23. Tổ chức, cá nhân trong hoặc ngoài nước sản xuất hoạt chất hoặc nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật được đứng tên đăng ký hoặc ủy quyền cho một tổ chức, cá nhân khác được đứng tên đăng ký sử dụng sản phẩm của mình tại Việt Nam.

Điều 24. Các loại thuốc bảo vệ thực vật phải đăng ký sử dụng ở Việt Nam:

1. Thuốc chưa có tên hoạt chất trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam;

2. Thuốc có tên trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng nhưng mang tên thương phẩm khác, thay đổi phạm vi sử dụng, dạng thuốc, hàm lượng hoạt chất hoặc hỗn hợp với nhau thành thuốc mới.

Điều 25. Thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc thực vật, động vật, vi sinh vật và các chế phẩm sinh học ít gây độc hại theo phân loại của tổ chức y tế thế giới (WHO) hoặc các tổ

chức quốc tế khác, thì được ưu tiên làm thủ tục đăng ký theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 26. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định:

1. Điều kiện, thủ tục cấp giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật mới;
2. Điều kiện, thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật ở Việt Nam;
3. Kiểm định chất lượng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật mới đang làm thủ tục đăng ký tại Việt Nam.

Điều 27. Cơ quan kiểm định, khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiến hành kiểm định chất lượng nguyên liệu và thành phẩm thuốc bảo vệ thực vật xuất khẩu, nhập khẩu; thành phẩm thuốc bảo vệ thực vật tại kho, xưởng sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán và sử dụng; kiểm định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong nông, lâm sản, thực phẩm, môi trường nông nghiệp; quản lý, tổ chức thực hiện và thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật mới. Cơ quan này có quyền kiểm tra, lấy mẫu để kiểm định chất lượng và dư lượng thuốc bảo vệ thực vật theo định kỳ hoặc đột xuất hoặc theo yêu cầu của chủ hàng. Kết quả kiểm định và khảo nghiệm của cơ quan này là cơ sở pháp lý cho việc quản lý nhà nước về thuốc bảo vệ thực vật. Cơ quan kiểm định và khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật phải chịu trách nhiệm về kết quả kiểm định và khảo nghiệm của mình trước pháp luật.

Điều 28. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật mới, giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật phải trả lệ phí theo quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước phải tuân theo quy định về việc kiểm tra, lấy mẫu và phải trả phí theo quy định của Nhà nước về việc kiểm định, khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật.

Chương VII

CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG DỰ TRỮ

THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Điều 29. Việc lập dự trữ thuốc bảo vệ thực vật, chế độ quản lý, sử dụng dự trữ quốc gia về thuốc bảo vệ thực vật ở Trung ương được quy định như sau:

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính lập kế hoạch dự trữ quốc gia hàng năm về thuốc bảo vệ thực vật và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý dự trữ quốc gia về thuốc bảo vệ thực vật;

3. Trong trường hợp có thiên tai, sinh vật gây hại tài nguyên thực vật phát sinh thành dịch trên diện rộng, gây hại nghiêm trọng, vượt quá khả năng phòng trừ của địa phương thì Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ cho phép sử dụng dự trữ quốc gia. Số lượng và phương thức xuất dự trữ quốc gia về thuốc bảo vệ thực vật do Thủ tướng Chính phủ quyết định cho từng trường hợp cụ thể.

Điều 30. Việc lập dự trữ địa phương về thuốc bảo vệ thực vật, chế độ quản lý, phương thức sử dụng dự trữ về thuốc bảo vệ thực vật ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính./.

CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG
(Đã ký)

Phan Văn Khải